

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Vũ Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Hưng**

2. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mai Trâm** – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Vinh** – Kiểm sát viên

Vào ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1289/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Y**, sinh năm 1981

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre).

Địa chỉ: 1 B, phường B (trước đây là Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Phạm Quang P**, sinh năm 1981

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp H, xã D (trước đây là xã H, huyện T), tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: 1 B, phường B (trước đây là Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Y trình bày: Năm 2013, bà và ông Phạm Quang P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống hạnh phúc khoảng 04 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P bạo lực gia đình, thường xuyên đánh đập con. Nay thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Quang P.

Về con chung: Có 02 trẻ tên Phạm Nguyễn Bảo C, sinh ngày 12/9/2013 và Phạm Nguyễn Thiện N, sinh ngày 15/11/2018.

Bà yêu cầu giao trẻ Phạm Nguyễn Bảo C cho bà nuôi dưỡng, giao trẻ Phạm Nguyễn Thiện N cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con cho ông P.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, ông Phạm Quang P xác nhận: Về quan hệ hôn nhân như bà Y trình bày. Bà Y yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, vì việc mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ mâu thuẫn nuôi dạy con cái. Ông vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: có 2 trẻ tên Phạm Nguyễn Bảo C, sinh ngày 12/9/2013 và Phạm Nguyễn Thiện N, sinh ngày 15/11/2018.

Do không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến về con

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị Hồng Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Phạm Quang P giữ nguyên ý kiến, không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Trong trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi 02 con chung là Phạm Nguyễn Bảo C và Phạm Nguyễn Thiện N, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hình thức, thẩm quyền giải quyết:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Hồng Y và ông Phạm Quang P là tranh chấp về “Ly hôn”. Bị đơn ông Phạm Quang P có nơi cư trú tại 1 B, phường B (trước đây là Phường B, Quận B) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17, ngày 22/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đồng Nai thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng Y và ông Phạm Quang P là hôn nhân hợp pháp. Bà Y yêu cầu ly hôn là do từ năm 2018 đến nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân rạn nứt, không còn hạnh phúc.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ giữa bà Y và ông P nhưng không thành. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân gia đình phải xuất phát từ hai phía cùng nhau xây dựng vun đắp, nhưng từ khoảng 2018 đến nay gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về việc dạy con, ông P và bà Y đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa, bà Y xác định không còn tình cảm với ông P, kiên quyết xin ly hôn; ông P không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì tòa án quyết định cho ly hôn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 2 trẻ tên Phạm Nguyễn Bảo C, sinh ngày 12/9/2013 và Phạm Nguyễn Thiện N, sinh ngày 15/11/2018.

Sau khi ly hôn, bà Y yêu cầu giao trẻ Phạm Nguyễn Bảo C cho bà nuôi dưỡng, trẻ Phạm Nguyễn Thiện N cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, bà Y không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con cho ông P. Tại phiên tòa, ông P có ý kiến trong trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là Bảo C và Thiện Nhân, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trẻ Bảo C có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà Y, trẻ Thiện Nhân có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông P. Để ổn định cuộc sống, phù hợp với điều kiện thực tế, quyền lợi và nguyện vọng của trẻ; giao trẻ Thiện Nhân cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Bảo C cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y và ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Y:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Y được ly hôn với ông Phạm Quang P.

Về con chung: Có 02 trẻ là Phạm Nguyễn Bảo C, sinh ngày 12/9/2013 và Phạm Nguyễn Thiện N, sinh ngày 15/11/2018.

Giao trẻ Phạm Nguyễn Thiện N cho ông Phạm Quang P trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Phạm Nguyễn Bảo C cho bà Nguyễn Thị Hồng Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Quang P và bà Nguyễn Thị Hồng Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y và ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà Y và ông P có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi cũng như người cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Y chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018786 ngày 19/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; bà Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ Toạ phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 5 – Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

Hoàng Vũ Nam